

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH XANH GOKIJ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH XANH GOKIJ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOKIJ COMERCIAL SERVICES AND GREEN TOURISM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GOKIJ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109608413

3. Ngày thành lập: 26/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 66 An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02432020085

Fax:

Email: info@gokij.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
2.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
3.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
4.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi (điều 6 Nghị định 10/2020/ NĐ-CP)	4931
5.	Vận tải hành khách đường bộ khác Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (điều 4 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định (Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
6.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
7.	Vận tải đường ống	4940
8.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
9.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
10.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
11.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Loại trừ: Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay	5229
13.	Bưu chính	5310
14.	Chuyển phát	5320
15.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
16.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
17.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
18.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ đấu giá	4610
19.	Quảng cáo	7310
20.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
21.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
22.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
23.	Đại lý du lịch	7911
24.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa. - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài.	7912(Chính)
25.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
26.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Hoạt động sản xuất phim video Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
27.	Hoạt động hậu kỳ	5912
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710
29.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
30.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
31.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
32.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
33.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
34.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

35.	Cơ sở lưu trú khác	5590
36.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
37.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
38.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
39.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
40.	Bán buôn thực phẩm	4632
41.	Bán buôn đồ uống	4633
42.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
43.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
44.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG LÂM	Số 28, ngõ 68/53/22 Đường Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	15,000	012954196	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	15,000		
2	HOÀNG THỊ NGỌC BÍCH	Số 28, Ngách 143, Ngõ 146, Đường Nguyễn Chính, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	280.000	2.800.000.000	35,000	013472274	
			Tổng số	280.000	2.800.000.000	35,000		
3	LƯƠNG PHÚC THỌ	Số 41 Lý Thường Kiệt, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	160.000	1.600.000.000	20,000	0310550048 65	
			Tổng số	160.000	1.600.000.000	20,000		

4	NGO THỊ LAN ANH	Thôn Lý Bắc, Xã Thăng Bình, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	30,000	174918234	
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGO THỊ LAN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/05/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 174918234

Ngày cấp: 31/08/2015

Nơi cấp: Công an Tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Lý Bắc, Xã Thăng Bình, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Lý Bắc, Xã Thăng Bình, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội